

HỆ THỐNG CHƯƠNG TRÌNH NV8 HKI

I. Phần văn:

Câu 1: Bảng thống kê các văn bản đã học:

T T	Tác phẩ m	Tác giả	Thể loại	Giá trị nội dung	Giá trị nghệ thuật
1	Tôi đi học	Thanh Tĩnh (1911- 1988)	Truyện ngắn hồi kí	Tuổi học trò sâu lắng đáng yêu cần cảm ơn công lao sinh thành của cha mẹ.	-Văn tự sự kết hợp hài hòa chặt chẽ với miêu tả và biểu cảm, làm cho truyện ngắn đậm chất trữ tình -Tài sử dụng ngôn ngữ ngắn của nhà văn với những hồi ức sâu lắng đáng yêu.
2	Tron g lòng mẹ	Nguyễn Hồng (1918- 1982)	Tiểu thuyế t tự truyện	Là bài ca chân tình cảm động về tình mẫu tử, đó là những cay đắng tủi nhục, cùng tình yêu thương cháy bỏng của nhà văn đối với người mẹ.	Phương thức tự sự và biểu cảm kết hợp với lời văn chân tình giàu cảm xúc, với những thủ pháp so sánh độc đáo.
3	Tức nước vỡ bờ	Ngô Tất Tô (1893- 1954)	Tiểu thuyế t	Tác phẩm đã vật trần bộ mặt tàn ác bất nhân của xã hội thực dân phong kiến, Vẻ đẹp của một tâm hồn đầy yêu thương, dịu dàng, chịu đựng, ngang tàn, bất khuất của người phụ nữ trước cách mạng tháng 8 tư thế là người rất đẹp của chi đậu là ko chịu sống quỳ.	Khắc họa nhân vật rõ nét, ngôn ngữ kể chuyện miêu tả đối thoại đặc sắc.
4	Lão hạc	Nam Cao (1917- 1951)	Truyện ngắn	Truyện ngắn đã thể hiện một cách chân thực và cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời truyện ngắn còn cho thấy tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người	Tạo dựng tình huống truyện bất ngờ, ngôn ngữ phù hợp với từng nhân vật, con chó vàng mang màu sắc triết lí, xây dựng nhân vật bằng miêu tả ngoại hình để bộc lộ nội tâm, tâm lí của nhân

Năm học 2021-2022

				nông dân.	vật.
9	Ôn dịch, thuốc lá	Nguyễn Khắc Viện	Văn bản nhật dụng	Nạn hút thuốc lá lây lan, gây tổn thất to lớn cho sức khỏe của con người, cho cuộc sống của gia đình và xã hội nên phải quyết tâm để chống lại nạn dịch này.	Kết hợp lập luận chặt chẽ, dẫn chứng sinh động, với thuyết minh cụ thể, phân tích trên cơ sở khoa học. Sử dụng thủ pháp so sánh để thuyết minh một cách thuyết phục một vấn đề y học có liên quan đến xã hội.
10	Bài toán dân số	Thái An	Văn bản nhật dụng	Văn bản đã nêu lên vấn đề thời sự của nhân loại, dân số và tương lai của dân tộc nhân loại.	Tác giả đã đưa ra các con số buộc người đọc phải tỉnh tưởng và suy ngẫm về sự gia tăng dân số đang lo ngại của thế giới, nhất là những nước chậm phát triển.
11	Thông tin về ngày trái đất năm 2000		Văn bản nhật dụng	Tác hại của bao bì ni lông, lợi ích của việc hạn chế sử dụng bao bì ni lông để bảo vệ môi trường sống.	Bố cục chặt chẽ lô rích, lối lí lẽ ngắn gọn, giải thích đơn giản, kết hợp phương pháp liệt kê phân tích.

Câu 2: *Nêu điểm giống nhau và khác nhau của các tác phẩm truyện kí Việt Nam đã học năm 30-45 ?*

Giống nhau:

-Thể loại: đều là văn bản tự sự, là truyện kí hiện đại

-Thời gian ra đời trước CMT8 năm: 1930-1945

- Đề tài lấy đề tài về cuộc sống và con người của xã hội thực dụng phong kiến, miêu tả số phận cực khổ của những người nghèo khổ bị vùi dập trong xã hội ấy.

-Giá trị tư tưởng: đều chan chứa tinh thần nhân đạo cao cả (yêu thương, trân trọng những tình cảm, phẩm chất đẹp đẽ của con người, tố cáo những gì tàn ác xấu xa)

-Giá trị nghệ thuật: bút pháp hiện thực, lối viết chân thực, gần gũi với đời sống, ngôn ngữ giản dị, kể chuyện và miêu tả cụ thể sinh động.

- **Khác nhau:** Mỗi tác phẩm có những điểm khác về các mặt như: thể loại, phương thức biểu đạt, nội dung chủ yếu và đặc sắc nghệ thuật.

II. Phân tiếng việt:

Câu 1: Lập bảng thống kê các kiểu câu đã học:

TT	Tên từ vựng, câu, dấu câu	Khái niệm	Dấu hiệu, hình thức, chức năng	Ví dụ
1	Câu ghép	Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu	*Có hai cách nối các vế câu: -Dùng những từ có tác dụng nối. Cụ thể: +Nối bằng một quan hệ từ; +Nối bằng một cặp quan hệ từ; +Nối bằng một cặp phó từ, đại từ hay chỉ từ thường đi đôi với nhau (cặp từ hô ứng). -Không dùng từ nối: Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm. *Các vế của câu ghép có quan hệ ý nghĩa với nhau khá chặt chẽ. Những quan hệ thường gặp là: qh nguyên nhân, qh điều kiện(giả thiết), qh tương phản, qh tăng tiến, qh lựa chọn, qh bổ sung, qh tiếp nối, qh đồng thời, qh giải thích. *Mỗi quan hệ thường được đánh dấu bằng cặp quan hệ từ, những quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng nhất định. Tuy nhiên, để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu, trong nhiều trường hợp ta phải dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp.	+Mây đen kéo kín bầu trời, gió giật mạnh từng cơn. +Nắng ấm, sân rộng và sạch. +Giá trời không mưa thì chúng tôi sẽ đi chơi. +Vì mẹ ốm nên bạn Nghĩa phải nghỉ học.
4	Từ tượng hình, từ	*Từ tượng hình là từ	Từ tượng hình, từ tượng thanh gọi được hình ảnh, âm thanh cụ	+Từ tượng thanh: soạn soạn,

Năm học 2021-2022

	tượng thanh	gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật. *Tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên của con người.	thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao; thường được dùng trong văn miêu tả và văn tự sự.	bịch, đánh bốp, nham nhảm. + Từ tượng hình: rón rén, lực điền, chông queo.
6	Trợ từ, thán từ	*Trợ từ là những từ chuyên đi kèm với một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó. *Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp.	* Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi được tách ra thành một câu đặc biệt. * Thán từ gồm hai loại chính: + Thán từ bộc lộ tình cảm xúc: +Thán từ gọi đáp:	*Ví dụ trợ từ: những, có, chính, đích, ngay... A, ái, ơ, ôi, ô hay, than ôi, trời ơi... Này, ơi, vâng, dạ, ừ ...
7	Tình thái từ	Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để tạo câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán và để biểu thị sắc thái tình cảm của người	*Tình thái từ gồm một số loại đáng chú ý như sau: -Tình thái từ nghi vấn: -Tình thái từ cầu khiến: -Tình thái từ cảm thán: -Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm: *Khi nói khi viết cần chú ý sử dụng tình thái từ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp (quan hệ tuổi tác, thứ bậc xã hội, tình cảm...)	À, ư, hả, chứ, chẳng... Đi, nào, với... Thay, sao... À, nhé, cơ, mà...

Năm học 2021-2022

		nói.		
8	Nói quá	Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.		+Bọn giặc hoảng hồn vất chân lên cổ mà chạy. +Cô Nam tính tình xởi lởi, ruột để ngoài da.
9	Nói giảm, nói tránh	Nói giảm nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.		+ "Chị ấy xấu" có thể thay bằng "Chị ấy không đẹp lắm". + "Anh ấy hát dở" có thể thay bằng "Anh ấy hát chưa hay" +"Ông ấy sắp chết" có thể thay bằng " Ông ấy chỉ nay mai thôi"